

Số: 02/2018/QĐST-KDTM

P, ngày 25 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2018/TLST-KDTM ngày 13 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phan Đức T1 - Chức vụ: Tổng giám đốc.

Địa chỉ: Tháp B, số 35 H, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Chí V - Chức vụ: Phó Giám đốc Phòng giao dịch Phan Rang Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Ninh Thuận. (Quyết định ủy quyền tham gia tố tụng số 10/2016/QĐ-BIDV.NT ngày 28-10-2016 của Giám đốc Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Ninh Thuận)

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hữu T2, sinh năm: 1973 và bà Lê Thị N, sinh năm: 1972.

Cùng địa chỉ: Khu phố 11, phường V, thành phố P, tỉnh Ninh Thuận.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Nguyễn Hữu T2 và bà Lê Thị N có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền nợ là 828.203.058 đồng. Trong đó: Dư nợ gốc là 670.000.000 đồng (nợ gốc của các hợp đồng tín dụng cụ thể như sau: Hợp đồng tín dụng số 02/2016/2959953/HĐTD ngày 04-02-2016 là 345.000.000 đồng, số 03/2016/2959953/HĐTD ngày 17-11-2016 là 100.000.000 đồng và số

01/2017/2959953/HĐTD ngày 21-3-2017 là 225.000.000 đồng) và nợ lãi tính đến ngày 17-5-2018 là 158.203.058 đồng (nợ lãi trong hạn là 151.194.357 đồng, nợ lãi quá hạn là 7.008.701 đồng). Chia phần: Mỗi người phải trả cho Ngân hàng số tiền nợ của 03 hợp đồng tín dụng là 414.101.529 đồng. Trong đó: Nợ gốc là 335.000.000 đồng, lãi trong hạn là 75.597.178 đồng, lãi quá hạn là 3.504.350 đồng.

2.2. Ông Nguyễn Hữu T2 và bà Lê Thị N tiếp tục chịu lãi phát sinh tương ứng với nghĩa vụ trả nợ của mỗi người theo các hợp đồng tín dụng số 02/2016/2959953/HĐTD ngày 04-02-2016, số 03/2016/2959953/HĐTD ngày 17-11-2016 và số 01/2017/2959953/HĐTD ngày 21-3-2017 kể từ ngày 18-5-2018 cho đến khi trả hết nợ vay.

2.3. Tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/2959953/HĐBĐ 17-02-2016 đối với quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 244747 được Ủy ban nhân dân thành phố P, tỉnh Ninh Thuận cấp ngày 22-3-2010 kèm theo Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/2016/2959953/SĐBS ngày 15-11-2016 và hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số 02/2016/2959953/HĐBĐ ngày 17-02-2016 đối với tài sản là nhà ở tọa lạc trên thửa đất số 314, tờ bản đồ số 12c, phường V được Ủy ban nhân dân thành phố P cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA 244747 ngày 22-3-2010 giữa ông Nguyễn Hữu T2 và bà Lê Thị N với Ngân hàng TMCP Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

2.4. Nếu ông Nguyễn Hữu T2 và bà Lê Thị N không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP Đ thì Ngân hàng được quyền kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật hoặc yêu cầu cơ quan thi hành án kê biên, phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.5. Về án phí: Ông Nguyễn Hữu T2 đồng ý nộp 10.282.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Bà Lê Thị N đồng ý nộp 10.282.000 đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Đ số tiền 18.261.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015468 ngày 12 tháng 4 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phan Rang - Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND TP. PR-TC;
- Chi cục THADS TP. PR-TC;
- Lưu: hồ sơ vụ án, án văn.

THẨM PHÁN

Lê Hung Dũng